

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/KDTM-ST
Ngày: 28-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Trung

2/ Bà Nguyễn Thị Nguyên

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 114/TLST-KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2025/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 294/2025/QĐST-KDTM ngày 28/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG C (tên viết tắt: WA)

Địa chỉ: 10 Phở Quang, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Chu Xuân L – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền N là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 09/10/2024) (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: CÔNG TY TNHH W (tên viết tắt: WE)

Địa chỉ: 8-10 Đường số 9A, WE KDC T, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông S – Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG C có ông Lê Hiền N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 04/6/2013, CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG C (sau đây gọi tắt là WA) và CÔNG TY TNHH W (sau đây gọi tắt là WE) đã ký kết Hợp Đồng Thầu Phụ số P4068/WS/015/VN. Theo đó, WE giao cho WA thực hiện thi công hạng mục: Cung cấp, phân phối vật tư xây dựng công trình dân dụng và các công trình khác có liên quan thuộc công trình: Xây dựng cơ sở vật chất tiếp nạp nhiên liệu hàng không tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

Thực hiện theo Hợp đồng, WA đã hoàn thành xong công việc. Ngày 12/7/2017, hai bên tiến hành quyết toán và thanh lý hợp đồng, theo đó: Giá trị hợp đồng là 13.606.439.390 đồng; Giá trị quyết toán là 11.451.433.897 đồng; phía WE đã thanh toán cho WA số tiền là 9.899.457.901 đồng.

Đến ngày 31/12/2017, hai bên đối chiếu công nợ sau khi thanh lý hợp đồng (12/7/2017), sau khi bù trừ chi phí công trường trong biên bản quyết toán, thanh lý hợp đồng, hai bên xác nhận lại số tiền WE còn nợ WA là 1.417.396.028 đồng.

Đến ngày 27/12/2019, WE thanh toán thêm được số tiền 555.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại là 862.396.028 (tám trăm sáu mươi hai triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám) đồng.

WA đã rất nhiều lần gửi văn bản đơn đốc việc thanh toán số tiền nợ gốc 862.396.028 đồng còn lại nhưng WE vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của WA.

Ngày 09/10/2024, WA nộp đơn khởi kiện yêu cầu WE phải thanh toán số nợ gốc còn lại là 862.396.028 đồng và tiền lãi tính trên số tiền đã quá hạn thanh toán tạm tính từ ngày 10/9/2017 đến ngày 09/10/2024 là 751.339.600 đồng, tổng số tiền phải thanh toán tính đến ngày 09/10/2024 là 1.613.735.628 (một tỷ sáu trăm mười ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi tám) đồng.

Ngày 24/02/2025 (sau ngày WA nộp đơn khởi kiện ở Tòa án), WE thanh toán thêm cho WA số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/3/2025, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc WE thanh toán cho WA số tiền công nợ gốc là 762.396.028 (bảy trăm sáu mươi hai triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất là 0,1%/ngày trên số tiền WE phải thanh toán là 1.417.396.028 đồng kể từ ngày 31/12/2017, yêu cầu tính lãi trong 45 ngày là 63.782.821 đồng (Căn cứ vào thỏa thuận tại Điều 11 của Hợp Đồng Thầu Phụ số P4068/WS/015/VN).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và có ý kiến giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc WE thanh toán cho WA số tiền nợ gốc là 762.396.028 (bảy trăm sáu mươi hai triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán đối với số tiền nợ gốc 1.417.396.028 đồng (yêu cầu tính lãi trong 45 ngày kể từ ngày 31/12/2017) với lãi suất là 0,1%/ngày là 63.782.821 đồng.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết và xét xử nên không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, không có ý kiến đối với nội dung vụ án. Bị đơn đã được tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: WA khởi kiện yêu cầu WE trả số tiền công nợ phát sinh từ Hợp Đồng Thầu Phụ số P4068/WS/015/VN ngày 04/6/2013. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn WE có trụ sở tại huyện B, Thành phố Hồ Chí

Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ công văn số 549/ĐKKD-T6 về việc cung cấp thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/01/2025: Đến nay, WE chưa đăng ký giải thể. Địa chỉ trụ sở chính: 8-10 Đường số 9A, KDC T, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp đối chiếu chứng cứ, phiên hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố và không nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ gốc còn lại là 862.396.028 đồng và tiền lãi tính trên số tiền đã quá hạn thanh toán tạm tính từ ngày 10/09/2017 đến ngày 09/10/2024 là 751.339.600 đồng, tổng số tiền phải thanh toán tính đến ngày 09/10/2024 là 1.613.735.628 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu tòa án buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 762.396.028 (bảy trăm sáu mươi hai triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán đối với số tiền nợ gốc 1.417.396.028 đồng (yêu cầu tính lãi trong 45 ngày kể từ ngày 31/12/2017) với lãi suất là 0,1%/ngày là 63.782.821 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu này nằm trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 762.396.028 (bảy trăm sáu mươi hai triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn có đủ cơ sở xác định ngày 04/6/2013, WA và WE đã ký kết Hợp Đồng Thầu Phụ số P4068/WS/015/VN. Theo đó, WE giao cho WA thực hiện thi công hạng mục: Cung cấp, phân phối vật tư xây dựng công trình dân dụng và các công trình khác có liên quan thuộc công trình: Xây dựng cơ sở vật chất tiếp nạp nhiên liệu hàng không tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Căn cứ Điều 3, Điều 74 Luật thương mại, Điều 513 Bộ luật dân sự thì Hợp Đồng Thầu Phụ số P4068/WS/015/VN ngày 04/6/2013 có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, căn cứ vào hợp đồng và các Biên bản xác nhận hoàn thành công việc, ngày 12/7/2017, hai bên đã ký Biên bản quyết toán, thanh lý Hợp đồng, theo đó xác định: “Giá trị của hợp đồng là 13.606.439.390 đồng; Giá trị quyết toán là 11.451.443.897 đồng; Số tiền bên A (WE) đã trả cho bên B (WA) là 9.899.457.901 đồng”. Đến ngày 31/12/2017, sau khi bù trừ chi phí công trường trong biên bản quyết toán, thanh lý hợp đồng, hai bên cùng xác nhận lại số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 1.417.396.028 đồng. Vào các ngày 27/12/2019, bị đơn thanh toán được thêm số tiền 555.000.000 đồng và ngày 24/02/2025 thanh toán thêm 100.000.000 đồng.

Căn cứ vào các biên bản đối chiếu công nợ ngày 03/01/2024 và 01/7/2024 được phía bị đơn xác nhận và quá trình trả nợ của bị đơn có căn cứ xác định số tiền nợ gốc còn lại là 762.396.028 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 762.396.028 (bảy trăm sáu mươi hai triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám) đồng.

[4.2] Về yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán đối với số tiền nợ gốc 1.417.396.028 đồng (yêu cầu tính lãi trong 45 ngày kể từ ngày 31/12/2017) với lãi suất là 0,1%/ngày là 63.782.821 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ, hai bên xác định đến ngày 31/12/2017, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.417.396.028 đồng.

Căn cứ vào Điều 11 của Hợp Đồng Thầu Phụ số P4068/WS/015/VN ngày 04/6/2013: “Thầu phụ có quyền nhận lãi suất 0.1% của giá trị số tiền yêu cầu cho mỗi ngày chậm thanh toán, trong đó thầu phụ có quyền, vượt quá 45 ngày. Tuy nhiên số tiền này không vượt quá 10% của yêu cầu thanh toán...”

Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số tiền nợ 1.417.396.028 đồng kể từ ngày 31/12/2017, yêu cầu tính lãi trong 45 ngày với lãi suất 0,1%/ngày là $1.417.396.028 \text{ đồng} \times 0,1\%/\text{ngày} \times 45 \text{ ngày} = 63.782.821 \text{ đồng}$ là phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng nợ gốc và lãi số tiền là: 762.396.028 đồng + 63.782.821 đồng = 826.178.849 (tám trăm hai mươi sáu triệu một trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi chín) đồng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 513 Bộ luật Dân sự;

- Điều 74 và 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Luật Thi hành án Dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục kèm theo.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG C.

Buộc CÔNG TY TNHH W có trách nhiệm thanh toán cho CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG C số tiền nợ gốc là 762.396.028 (bảy trăm sáu mươi hai triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám)

đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 63.782.821 (sáu mươi ba triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn tám trăm hai mươi một) đồng, tổng cộng là 826.178.849 (tám trăm hai mươi sáu triệu một trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi chín) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

CÔNG TY TNHH W phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 36.785.365 (ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi lăm) đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG C số tiền 30.206.034 (ba mươi triệu hai trăm lẻ sáu nghìn không trăm ba mươi bốn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0051100 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**



Đinh Thị Hoài Thu